

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17 tháng 6 năm 2020

*“V/v Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về
nuôi con ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Uyên.

-Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Lệ.

Bà Lê Thị Thanh Cường.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai tham phiên tòa bà Trịnh Thị Ngọc Anh – KSV.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 846/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về *“Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị L T T– sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Tổ 3 (tổ 6 cũ) phường Y T, thành phố D, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh N Đ H – sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Tổ 3 (tổ 6 cũ) phường Y T, thành phố D, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 12 năm 2019 bản tự khai và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện:

Về hôn nhân: Chị L T T và anh N Đ H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐQ, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa ngày 19/11/1996. Sau khi kết hôn cuộc sống của hai vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, yêu thương nhau. Nhưng thời gian gần đây giữa anh, chị phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh ĐH đã có mối quan hệ với người phụ nữ khác, do đó tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh chị đã sống ly thân. Chị LT nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn rất trầm trọng không thể hàn gắn được nên yêu cầu tòa án giải quyết được ly hôn với anh ĐH.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có ba con chung: NTA, sinh ngày 26/8/1997, NTTK, sinh ngày: 28/02/2000, NĐT, sinh ngày: 09/5/2007. Hiện cháu A, cháu K đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Cháu T đang ở với chị LT. Ly hôn, chị LT có nguyện vọng nuôi con cháu T, không yêu cầu anh ĐH cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh N Đ H:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đối với anh N Đ H. Tuy nhiên, anh ĐH không đến Tòa án tham gia tố tụng không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố D phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm đối với nguyên đơn. Riêng bị đơn anh N Đ H Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh ĐH không đến Tòa án nhân dân thành phố D tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ hòa giải. Vì vậy việc chấp hành pháp luật của bị đơn không tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố D theo quy định của khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị LT trình bày chung sống với anh ĐH có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐQ, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 19/11/1996.

- Về con chung: anh, chị có ba con chung: NTA, sinh ngày 26/8/1997, NTTK, sinh ngày: 28/02/2000, NĐT, sinh ngày: 09/5/2007. Hiện cháu A, cháu K đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Cháu T đang ở với chị LT, cháu T cũng trình bày có nguyện vọng được ở với chị LT. Ly hôn, chị LT có nguyện vọng nuôi con cháu T, không yêu cầu anh ĐH cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản riêng, chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Từ sự phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị LTT cho ly hôn giữa chị L T T và anh N Đ H.

- Giao con chung là cháu NĐT, sinh ngày 09/5/2007 cho chị LT nuôi con. Chị LT không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ pháp lệnh, án phí Tòa án buộc chị LT phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị L T T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố D – tỉnh Gia Lai, giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con, đối với bị đơn anh N Đ H có nơi cư trú tại tổ 3 (tổ 6 cũ), thành phố D, tỉnh Gia Lai; vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L T T và anh N Đ H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã xã ĐQ, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 19/11/1996. Sau khi kết hôn cuộc sống của hai vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, yêu thương nhau. Nhưng thời gian gần đây giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và cãi vã nhau, anh ĐH đã có người phụ nữ khác bên ngoài do đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không còn yêu thương, tôn trọng nhau mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh chị đã sống ly thân. Chị LT nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn rất trầm trọng không thể hàn gắn được nên yêu cầu tòa án giải quyết được ly hôn với anh ĐH.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị LT yêu cầu ly hôn với anh ĐH, Tòa án đã triệu tập anh ĐH đến Tòa án, nhưng anh ĐH không đến Tòa án để trình bày ý kiến và nguyên nhân mâu thuẫn và hòa giải đoàn tụ. Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ mà anh ĐH có hộ khẩu thường trú, thường xuyên sinh sống để tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh ĐH biết để đến tòa án và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng anh ĐH vẫn không chấp hành vậy chứng tỏ rằng anh ĐH không mong muốn hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình, bỏ mặc cho cuộc sống hôn nhân của mình. Cho nên đến tại thời điểm này chị LT xác định không còn tình cảm với nhau nữa, không còn muốn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, do đó mà mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị L T T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh ĐH, xét yêu cầu này của chị LT là chính đáng, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị LT và anh ĐH có ba con chung là NTA, sinh ngày 26/8/1997, NTTK, sinh ngày: 28/02/2000, NĐT, sinh ngày: 09/5/2007. Hiện cháu A, cháu K đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu T chị LT có nguyện vọng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của cháu T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Xét thấy phù hợp với quy định pháp luật, cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nên giao con chung là cháu NĐT cho chị LT nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc khi anh ĐH có yêu cầu khác.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, chị LT không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L T T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng : Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị L T T và anh N Đ H.

- Về con chung: Giao con chung cháu NĐT cho chị L T T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị LT không yêu cầu nên không xem xét.

Vì lợi ích của con khi cần thiết đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L T T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002191 ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Gia lai. Chị Nhi đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt ĐH lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố D;
- Chi cục THA-DS TP.D;
- Các đương sự;
- UBND phường Hội thương, TP.D;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Thị Tố Uyên